TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH ĐĂKLĂK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: …. /2021/HSST
Ngày: 15/12/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Long

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Ánh Sửu.

2. Ông Vũ Xuân Thụ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Công Đức - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Quốc Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 12 năm 2021. Tại Phòng xử án - Tòa án nhân dân huyện H mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 98/2021/TLST-HS, ngày 10 tháng 11 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 104/2021/QĐXXST-HS, ngày 18 tháng 11 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 50/2021/HSST-QĐ, ngày 02/12/2021, đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Thị L; sinh năm 1979, tại tỉnh Bắc Ninh; Nơi đăng ký Hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Thôn P, xã H, huyện L, tỉnh Bắc Ninh; nghề nghiệp: Làm nông, công nhân; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Công C, sinh năm 1954 và bà Vũ Thị L (đã chết); có chồng là Nguyễn Văn Đ (đã ly hôn); bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2004, con nhỏ sinh năm 2005; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam kể từ ngày 18 tháng 6 năm 2021 cho đến nay. Có mặt.

Luật sư bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Tiến Thịnh, có mặt.

Người bị hại: Bàn Thị E, sinh năm 1967; Trú tại: Thôn A, xã E, huyện H, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt

Người làm chứng:

1. Bàn Thị N, sinh năm 1978; Trú tại: Thôn A, xã E, huyện H, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt

2. Bàn Thị L; Trú tại: Thôn A, xã E, huyện H, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt;

3. Đinh Thị N; Trú tại: Thôn A, xã E, huyện H, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt;

4. Bùi Thị Â; Trú tại: Thôn A, xã E, huyện H, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt;

5. Nay Y Y; Trú tại: Buôn K, xã E, huyện H, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt;

6. Kpă Y A; Trú tại: Buôn K, xã E, huyện H, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt;

7. Đoàn Văn T; Trú tại: Thôn A, xã E, huyện H, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt;

8. Đặng Văn C; Trú tại: Thôn A, xã E, huyện H, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt;

9. Ksơr Y B; Trú tại: Buôn Buôn K, xã E, huyện H, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt;

10. Ksơr Y Ô; Trú tại: Buôn K, xã E, huyện H, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt;

11. Đỗ Thanh T; Trú tại: Thôn B, xã E, huyện H, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt;

12. Kpă Y B; Trú tại: Buôn H, xã E, huyện H, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt;

13. Ksơr Y B; Trú tại: Buôn K, xã E, huyện H, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt;

14. Nay Y D; Trú tại: Buôn S, xã Đ, huyện H, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ ngày 19/10/2008, chị Bàn Thị E thuê chị Bàn Thị L, Bàn Thị N, Đỗ Thanh T, Nguyễn Văn H, Nguyễn Duy T, Kpă Y B, Ksơr Y Ô, Kpă Y A, Ksơr Y B, Nay Y D, Ksơr Y B, Nay Y Y và một số người khác đến hái cà phê trên diện tích đất tranh chấp với gia đình Nguyễn Thị L, Nguyễn Văn Đ tại thôn, xã E, huyện H, tỉnh Đắk Lắk. Khoảng 16 giờ cùng ngày thì hái được khoảng 16 bao cà phê, trên đường vác số cà phê trên ra về thì gặp Nguyễn Thị L, trên tay Là cầm một con dao phát chặn đường không cho chị E và những người còn lại vác cà phê đi, đồng thời L hô "cướp, cướp". Anh Ksơr Y Ô đi đầu tiên thấy L cầm dao xông đến, tưởng L chém mình nên Ksơr Y Ô đặt bao cà phê xuống, nhặt một khúc cây cầm trên tay đánh một nhát vào người L, không rõ trúng vào đâu. Lúc này L đến đôi co với chị E rồi cầm dao chém chị E, chị E đưa tay trái lên đỡ thì bị chém vào mu bàn tay trái và ngã xuống hố cà phê, L tiếp tục cầm dao chém nhiều nhát vào đầu và người E. Thấy E bị chém, chị L và chị N chạy lại ôm vật L ngã xuống đất làm văng con dao khỏi tay L. Chị E nhặt được con dao rồi dùng dao chém hai nhát trúng đầu và bàn tay phải của L. Lúc này, Nguyễn Văn Đ là chồng L từ nhà anh Khuất Văn Q về, thấy đánh nhau Đ nhặt một con dao phát chạy đến, thấy Ksơr Y Ô đang cầm khúc cây gỗ, chị L và chị N đang đè vợ mình dưới đất, E thì cầm dao trên tay nên Đ dùng dao chém vào đầu anh Ksơr Y Ô một nhát, rồi Đ chạy đến chém vào đầu và má chị E, tiếp đó chém chị N và chị L mỗi người một nhát, E cầm dao chém Đ một nhát trúng vào bàn tay thì Đ bỏ chạy. Lúc này anh Khuất Văn Q, chị Đinh Thị N đến can ngăn thì sự việc chấm dứt. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, L bị khởi tố bị can về tội cố ý gây thương tích, trong giai đoạn điều tra Là bỏ trốn khỏi địa phương nên bị Cơ quan Cảnh sát

điều tra công an huyện H ra Quyết định truy nã. Đến ngày 18/6/2021 thì bị bắt theo lệnh truy nã.

Tại bản tổng kết hồ sơ bệnh án số 341, ngày 25/3/2009 của Bệnh viện đa khoa tỉnh Đăk Lăk xác định người bị hại Bàn Thị E bị các vết thương: Đỉnh trái 7 cm; đỉnh trái 7 cm; vết thương nông má phải 5 cm; phần mềm cánh tay trái 2 cm; mu bàn tay trái đứt gân duỗi kèm gãy hở đốt 1 ngón 3, đứt gần lìa đốt 1 ngón 4, ngón 5;

Kết luận pháp y thương tích số 254/TgT-TTPY, ngày 25/3/2009 kết luận: người bị hại bị tổng cộng 5 vết thương, gồm:

Vết thương bàn tay trái tỷ lệ tổn thương cơ thể là 20%; Đa vết thương đầu tỷ lệ tổn thương cơ thể là 15% cộng lùi 12%; Vết thương má phải tỷ lệ tổn thương cơ thể là 6% cộng lùi 4%; Tổng cộng: 36%.

Kết luận pháp y thương tích số 256/TgT-TTPY, ngày 25/3/2009 kết luận Nguyễn Thị L bị thương tích 17%.

Trong quá trình điều tra, bị cáo Nguyễn Thị L không thừa nhận hành vi phạm tội. Tuy nhiên, căn cứ tài liệu chứng cứ đã thu thập được, lưu tại hồ sơ vụ án, nhận thấy Nguyễn Thị L đã có hành vi dùng dao chém và mu bàn tay trái, gây thương tích cho chị E tỷ lệ tổn thương cơ thể là 20%. Hành vi của L là độc lập, không có sự bàn bạc từ trước đối với Nguyễn Văn Đ nên không có tính chất đồng phạm. Ngoài hành vi chém vào tay trái của chị E, L còn chém nhiều nhát vào người chị E nhưng không có cơ sở để chứng minh thương tích của chị E là do L gây ra nên không buộc L phải chịu trách nhiệm đối với tổng thương tích của chị E là 36%.

Tại bản cáo trạng số 95/CT-VKS ngày 09/11/2021 của VKSND huyện H, truy tố bị cáo Nguyễn Thị L, về tội *"Cố ý gây thương tích"* theo điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 104 của Bộ luật Hình sự năm 1999, Nghị quyết số 41 của Quốc Hội, khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017;

Tại phần luận tội, kiểm sát viên giữ nguyên nội dung truy tố của cáo trạng về tội danh và điều luật áp dụng. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo phạm tội cố ý gây thương tích. Bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ.

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử bị cáo mức hình phạt từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù.

Trách nhiệm dân sự và vật chứng của vụ án đã được giải quyết tại bản án số 57/2010/HSST ngày 19/7/2010 của Tòa án nhân dân huyện H và bản án số 315/2010/HSPT ngày 28/9/2010 của Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Lăk nên không giải quyết nữa.

Tại phiên tòa, Luật sư bào chữa cho bị cáo và bị cáo tranh luận:

Về tội danh: Quá trình điều tra do bức xúc về hành vi trái pháp luật của người bị hại về việc đưa người đến hái cà phê mà gia đình bị cáo đã đầu tư chăm sóc nên

bị cáo không thừa nhận hành vi phạm tội. Tuy nhiên, tại phiên tòa bị cáo thừa nhận do xuất phát từ việc bức xúc nêu trên, bị cáo đã có hành vi dùng dao chém trúng vào phần mà phải của người bị hại. Bị cáo chỉ chém một nhát sau đó bị chị L, chị N vật ngã, không thực hiện hành vi chém và mu bàn tay trái của bị hại như cáo trạng truy tố.

Quá trình điều tra, từ khi khởi tố vụ án cho đến phiên tòa ngày 21/9/2021 thì những người làm chứng đều khai có nhìn thấy bị cáo dùng dao chém nhưng không biết trúng vào đâu trên cơ thể người bị hại. Tuy nhiên, sau khi trả hồ sơ điều tra bổ sung thì những người làm chứng lại thay đổi lời khai và trình bày có nhìn thấy bị cáo chém vào tay người bị hại là mâu thuẫn và không hợp lý, nên không có căn cứ chấp nhận lời khai mới của người làm chứng.

Việc bị cáo tại phiên tòa thừa nhận hành vi dùng dao chém 01 nhát gây thương tích trên má phải người bị hại là có căn cứ. Bởi lẽ, nếu bị cáo chém trúng bàn tay, đứt gân và các ngón tay bị hại, thì sau đó bị hại không thể cầm dao chém nhau với anh Đ như bị hại trình bày.

Tỷ lệ tổn thương cơ thể do bị cáo gây ra với bị hại là 6%, cộng lùi là 4%. Do vậy chỉ có thể xét xử bị cáo theo điểm a khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, e, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Vì tại phiên tòa bị cáo đề nghị bồi thường cho người bị hại 3.000.000 đồng để khắc phục hậu quả; bị cáo phạm tội do kích động tinh thần vì hành vi trái pháp luật của người bị hại; bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải.

Ngoài ra, cùng tính chất nội dung, người bị hại chém bị cáo gây thương tích 17%, nhưng cơ quan tiến hành tố tụng đình chỉ khởi tố bị can đối với người bị hại vì cho rằng người bị hại bị kích động tinh thần và không còn gây nguy hiểm cho xã hội nữa, trong khi lại không áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo tình tiết này đối với bị cáo là không đảm bảo sự công bằng.

Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm và đề nghị không áp dụng tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo vì:

Bị cáo không thừa nhận hành vi phạm tội đối với hành vi dùng dao chém vào bàn tay trái của người bị hại, là không thể hiện thái độ ăn năn hối cải;

Việc bị cáo đề nghị bồi thường số tiền 3.000.000 đồng cho người bị hại tại phiên tòa, nhưng không phải là bồi thường đối với thương tích do bị cáo gây ra, vì bị cáo gây ra vết thương ở bàn tay trái, nhưng chỉ thừa nhận gây thương tích đối với vết thương ở má phải nên không phải là bồi thường, khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo;

Vì bị cáo gây ra vết thương cho người bị hại có tỷ lệ tổn thương cơ thể 20% và dùng hung khí nguy hiểm nên không áp dụng tình tiết giảm nhẹ là phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng;

Nguyên nhân xảy ra xô xát là do tranh chấp đất đai, lẽ ra khi chị E đến hái cà phê, bị cáo phải yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết, nhưng bị cáo lại tự mình dùng vũ lực để giải quyết, lẽ ra phải áp dụng thêm tình tiết phạm tội có tính chất côn đồ. Vì vậy, không chấp nhận áp dụng tình tiết phạm tội do kích động về tinh thần do hành vi có lỗi của người bị hại.

Tại phiên tòa, người bị hại Bàn Thị E đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận theo kết luận điều tra, bản cáo trạng để xét xử bị cáo về tội cố ý gây thương tích theo quy định của pháp luật, không đồng ý nhận tiền bồi thương 3.000.000 đồng của bị cáo, không chấp nhận bãi nại cho bị cáo.

Không ai tranh luận gì thêm.

Phần Bị cáo trình bày lời nói sau cùng: bị cáo đề nghị được hưởng mức án nhẹ nhất vì là lao động chính, đang nuôi hai con nhỏ, gia đình có hoàn cảnh khó khăn do đã ly hôn chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Bị cáo Nguyễn Thị L bị truy tố về tội cố ý gây thương tích theo điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 104 của Bộ luật Hình sự năm 1999, Nghị quyết số 41 của Quốc Hội, khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo Nguyễn Thị L không thừa nhận hành vi cố ý gây thương tích như Kết luận Điều tra, bản cáo trạng. Tại phiên tòa, bị cáo cho rằng chỉ cầm dao rựa chém trúng má của bị hại chứ không thực hiện hành vi dùng dao chém vào tay người bị hại.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Thông qua lời khai của người làm chứng, hồ sơ bệnh án, kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ khác thu thập được thể hiện:

Lời khai của người làm chứng Ksơr Y Ố, Nguyễn Văn H, thể hiện nhìn thấy

bị cáo cầm con dao rựa chém bà E nhiều nhát vào cơ thể nhưng không biết trúng vào chỗ nào. Trong đó anh Y Ố quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa xét xử ngày 21/9/2021 thì khai rằng không nhìn thấy bị cáo chém bị hại vào đâu, sau khi trả hồ sơ điều tra bổ sung thì khai báo thấy chém vào tay.

Lời khai của người làm chứng Ksơr Y A thể hiện nhìn thấy bị cáo cầm con dao rựa có đặc điểm giống con dao được mô tả tại hồ sơ vụ án.

Lời khai của người làm chứng Nguyễn Duy T thể hiện nhìn thấy bị cáo cầm con dao rựa chém bà E một nhát trúng vai.

Lời khai của người làm chứng Đỗ Thanh T, Nay Y B thể hiện nhìn thấy bị cáo cầm con dao phát chém bà E nhưng không biết cụ thể chém mấy nhát và chém vào đâu.

Người bị hại Bàn Thị N khai thấy bị cáo chém người bị hại, nhưng không biết chém vào đâu, tại phiên tòa thì lại khai nhận là thấy chém vào tay.

Bản tổng kết hồ sơ bệnh án số 341, ngày 25/3/2009 của Bệnh viện đa khoa tỉnh Đăk Lăk xác định người bị hại Bàn Thị E bị các vết thương: Đỉnh trái 7 cm; đỉnh phải 7 cm; vết thương nông má phải 5 cm; phần mềm cánh tay trái 2 cm; mu bàn tay trái đứt gân duỗi kèm gãy hở đốt 1 ngón 3, đứt gần lìa đốt 1 ngón 4, ngón 5;

Kết luận giám định số 254/TgT-TTPY, ngày 25/3/2009 kết luận: người bị hại bị tổng cộng 5 vết thương, gồm: Vết thương bàn tay trái tỷ lệ tổn thương cơ thể là 20%; Đa vết thương đầu tỷ lệ tổn thương cơ thể là 12%; Vết thương má phải tỷ lệ tổn thương cơ thể là 4%; Tổng cộng: 36%.

Xét thấy, giữa người làm chứng và bị cáo không quen biết, không có mâu thuẫn với nhau nên việc những người làm chứng khai là nhìn thấy bị cáo dùng dao rựa, chém vào cơ thể người bị hại là khách quan, phù hợp với vật chứng được thu giữ tại hiện trường. Do vậy, có đủ căn cứ để xác định khoảng 16 giờ ngày 19/10/2008 bị cáo Nguyễn Thị L đã có hành vi dùng dao rựa chém gây thương tích cho bà E.

Thực hiện hành vi gây thương tích cho người bị hại có hai người là bị cáo và chồng (đã ly hôn) là Nguyễn Văn Đ. Hành vi cố ý gây thương tích của bị cáo được thực hiện trước, độc lập và không có sự tiếp nhận ý chí, bàn bạc, trao đổi gì với Nguyễn Văn Đ nên không xem là đồng phạm với Nguyễn Văn Đ. Vì vậy, bị cáo chỉ phải chịu trách nhiệm đối với tổn thương cơ thể của người bị hại do hành vi của bị cáo gây ra mà không phải chịu trách nhiệm chung về tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể.

Tuy nhiên, việc Viện kiểm sát nhân dân huyện H truy tố bị cáo đối với thương tích tại mu bàn tay trái của người bị hại với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 20% là không có căn cứ pháp lý. Bởi lẽ, quá trình điều tra, lấy lời khai của những người làm chứng ngay sau khi xảy ra sự việc, thì không ai nhìn thấy bị cáo chém vào tay người bị hại, việc một số người làm chứng thay đổi lời khai sau khi Hội đồng xét xử trả hồ sơ để điều tra bổ sung sau khi xảy ra sự việc rất lâu có sự mâu thuẫn với lời khai ban đầu nên không xem đây là căn cứ chứng minh.

Đối với các thương tích còn lại trên cơ thể bị hại, quá trình điều tra, truy tố không có căn cứ chứng minh được cụ thể vết thương nào trên cơ thể người bị hại là do bị cáo gây ra. Ngoài ra, việc người làm chứng Nguyễn Duy T khai nhìn thấy bị cáo cầm con dao rựa chém bà E một nhát, Nguyễn Văn Đ khai nhận đã chém trúng bị hại 5 đến 6 nhát. Trong khi đó tổng số vết thương trên cơ thể người bị hại là 5 vết thương. Vì vậy, chấp nhận phần bào chữa của Luật sư, chỉ có căn cứ buộc tội bị cáo đối vết thương trên má phải người bị hại theo quy định tại Điều 13 của bộ luật tố tụng hình sự quy định về suy đoán vô tội đối với bị cáo.

Vết thương trên má phải người bị hại có tỷ lệ tổn thương cơ thể là 6% cộng lùi thành 4%, do bị cáo dùng dao là hung khí nguy hiểm gây ra. Vì vậy, chỉ có đủ căn cứ pháp lý để xác định hành vi của bị cáo đã phạm vào tội cố ý gây thương tích theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 của Bộ luật hình sự.

Quá trình khởi tố vụ án, khởi tố bị can Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H khởi tố vụ án, bị can theo Điều 104 của Bộ Luật hình sự năm 1999. Việc Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận xét xử bị cáo theo khoản 1 Điều 134 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 tức là thuộc loại vụ việc khởi tố theo yêu cầu của người bị hại. Việc người bị hại tại phiên tòa tiếp tục giữ yêu cầu xử lý bị cáo về tội cố ý gây thương tích theo quy định của pháp luật nên cần chấp nhận, cần xem đây là yêu cầu khởi tố của người bị hại, vì việc xét xử là do Hội đồng xét xử chuyển khung của điều luật theo hướng có lợi cho bị cáo.

Vì vậy, chỉ chấp nhận một phần bản cáo trạng và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H truy tố đối với bị cáo tại phiên tòa.

Tại Điều 298 BLTTHS năm 2015 về giới hạn của việc xét xử quy định:

1. Tòa án xét xử những bị cáo và những hành vi theo tội danh mà Viện kiểm sát truy tố và Tòa án đã quyết định đưa vụ án ra xét xử.

2. Tòa án có thể xét xử bị cáo theo khoản khác với khoản mà Viện kiểm sát đã truy tố trong cùng một điều luật hoặc về một tội khác bằng hoặc nhẹ hơn tội mà Viện kiểm sát đã truy tố.

Tại điểm a khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự quy định:

"1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây *tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỉ lệ thương tật từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.*

a, Dùng hung khí nguy hiểm".

[3]. Hội đồng xét xử nhận thấy: Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo là người có đầy đủ năng lực để nhận thức được hành vi cố ý gây thương tích cho người khác là vi phạm pháp luật. Thế nhưng, do ý thức coi thường sức khoẻ của người khác và pháp luật nên bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, cần buộc bị cáo phải

chịu trách nhiệm hình sự về hành vi của mình.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Cần chấp nhận quan điểm bào chữa của luật sư vì xét thấy:

Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; phạm tội trong trường hợp bị kích động về tinh thần xuất phát từ hành vi vi phạm pháp luật của người bị hại gây ra; bị cáo tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả cho người bị hại 3.000.000 đồng nhưng người bị hại không đồng ý nhận. Tuy nhiên vẫn ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo; tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải.

[5]. Trách nhiệm dân sự: tại phiên tòa người bị hại không đồng ý nhận số tiền bồi thường 3.000.000 đồng của bị cáo, nếu khi bản án có hiệu lực mà người bị hại vẫn không đồng ý nhận số tiền này thì trả lại cho bị cáo. Các vấn đề khác về trách nhiệm dân sự đã được giải quyết tại bản án số 57/2010/HSST ngày 19/7/2010 của Tòa án nhân dân huyện H và bản án số 315/2010/HSPT ngày 28/9/2010 của Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Lăk nên không giải quyết nữa.

[6]. Xử lý vật chứng: đã được giải quyết tại bản án số 57/2010/HSST ngày 19/7/2010 của Tòa án nhân dân huyện H và bản án số 315/2010/HSPT ngày 28/9/2010 của Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Lăk nên không giải quyết nữa.

[7]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị L phạm tội **"*Cố ý gây thương tích*".**

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 104 của Bộ luật Hình sự năm 1999, Nghị quyết số 41 của Quốc Hội, khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017; các điểm b, e, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên xử: Bị cáo Nguyễn Thị L 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tính từ ngày bị bắt tạm giam 18/6/2021.

Về trách nhiệm dân sự: chấp nhận việc bị cáo bồi thường cho người bị hại 3.000.000 tại phiên tòa. Tuy nhiên, người bị hại không đồng ý nhận số tiền bồi thường 3.000.000 đồng của bị cáo, nếu khi bản án có hiệu lực mà người bị hại vẫn không đồng ý nhận số tiền này thì trả lại cho bị cáo. Các vấn đề khác về trách nhiệm dân sự đã được giải quyết tại bản án số 57/2010/HSST ngày 19/7/2010 của Tòa án nhân dân huyện H và bản án số 315/2010/HSPT ngày 28/9/2010 của Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Lăk nên không giải quyết nữa.

Xử lý vật chứng: đã được giải quyết tại bản án số 57/2010/HSST ngày 19/7/2010 của Tòa án nhân dân huyện H và bản án số 315/2010/HSPT ngày 28/9/2010 của Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Lăk nên không giải quyết nữa.

Về án phí: Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Nguyễn Thị L phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo Nguyễn Thị L và người bị hại Bàn Thị E có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
-Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Lăk;
- Sở tư pháp tỉnh Đăk Lăk;
- Viện KSND huyện H;
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Đăk Lăk;
- Cơ quan thi hành án hình sự - Công an huyện H;
- Bộ phận hồ sơ nghiệp vụ - Công an huyện H;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Bộ phận thi hành án hình sự;
- Lưu hồ sơ, Văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Long